

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY 2023

1. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Học sinh tốt nghiệp Trung học Phổ thông.

2. PHẠM VI TUYỂN SINH: Trong cả nước.

3. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

3.1. Xét tuyển dựa vào điểm học bạ (dành cho thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2023 và cả những năm trước đó): điểm trung bình chung học tập ba học kỳ (học kỳ 1, học kỳ 2 năm lớp 11 và học kỳ 1 năm lớp 12) của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển của trường, làm tròn đến 1 chữ số thập phân;

3.2. Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023;

3.3. Xét tuyển thẳng theo quy định hiện hành của Bộ GD-ĐT;

3.4. Ưu tiên xét tuyển dựa vào kết quả kết hợp giữa chứng chỉ quốc tế và điểm học bạ hoặc kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023:

3.4.1. Đối với hai ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh: Ưu tiên xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn 2 năm (tính đến ngày 20.08.2023) đạt IELTS 6.0 trở lên hoặc TOEFL iBT 80 điểm trở lên và có điểm 02 (hai) môn còn lại (không phải môn ngoại ngữ) trong tổ hợp môn xét tuyển của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế (theo phương thức xét tuyển dựa vào điểm học bạ hoặc dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023) đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng của các ngành đào tạo giáo viên do Bộ GD-ĐT quy định trong Quy chế tuyển sinh đại học 2023 đối với ngành Sư phạm Tiếng Anh; và đạt tổng điểm (2 môn còn lại) từ 12,00 điểm trở lên đối ngành Ngôn ngữ Anh.

3.4.2. Đối với các ngành còn lại của Trường trong tổ hợp xét tuyển có môn Tiếng Anh: Ưu tiên xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn 2 năm (tính đến ngày 20.08.2023) đạt IELTS 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT 72 điểm trở lên và có tổng điểm 02 (hai) môn còn lại (không phải môn ngoại ngữ) trong tổ hợp môn xét tuyển của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế (theo phương thức xét tuyển dựa vào điểm học bạ hoặc dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023) đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng của các ngành đào tạo giáo viên do Bộ GD-ĐT quy định trong Quy chế tuyển sinh đại học 2023 đối với các ngành Sư phạm; và đạt tổng điểm (2 môn còn lại) từ 12,00 điểm trở lên đối các ngành còn lại.

3.4.3. Đối với ngành Ngôn ngữ Nhật: Ưu tiên xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT có chứng chỉ tiếng Nhật JLPT trong thời hạn 2 năm (tính đến ngày 20.08.2023) đạt N3 trở lên và có tổng điểm

và có điểm 02 (hai) môn còn lại (không phải môn ngoại ngữ) trong tổ hợp môn xét tuyển của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế (theo phương thức xét tuyển dựa vào điểm học bạ hoặc dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023) đạt từ 12,00 điểm trở lên.

3.4.4. Đối với ngành các Sư phạm Tiếng Trung và Ngôn ngữ Trung Quốc: Ưu tiên xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT có chứng chỉ tiếng Trung Quốc HSK trong thời hạn 2 năm (tính đến ngày 20.08.2023) đạt HSK4 với điểm 270/300 điểm trở lên và có tổng điểm 02 (hai) môn còn lại (không phải môn ngoại ngữ) trong tổ hợp môn xét tuyển của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế (theo phương thức xét tuyển dựa vào điểm học bạ hoặc dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023) đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng của các ngành đào tạo giáo viên do Bộ GD-ĐT quy định trong Quy chế tuyển sinh đại học 2023 đối với ngành Sư phạm Tiếng Trung; và đạt tổng điểm (2 môn còn lại) từ 12,00 điểm trở lên đối ngành Ngôn ngữ Trung Quốc.

3.4.5. Đối với ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc: Ưu tiên xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT có chứng chỉ tiếng Hàn Quốc TOPIK II trong thời hạn 2 năm (tính đến ngày 20/08/2023) đạt 151 điểm trở lên và có tổng điểm và có điểm 02 (hai) môn còn lại (không phải môn ngoại ngữ) trong tổ hợp môn xét tuyển của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế (theo phương thức xét tuyển dựa vào điểm học bạ hoặc dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023) đạt từ 12,00 điểm trở lên.

3.5. Ưu tiên xét tuyển dựa vào kết quả kết hợp giữa chứng chỉ tiếng Anh theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (gọi tắt là chứng chỉ VSTEP) của các đơn vị được Bộ GD-ĐT cho phép tổ chức và điểm học bạ hoặc kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023: Ưu tiên xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT có chứng chỉ tiếng Anh theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (gọi tắt là chứng chỉ VSTEP) của các đơn vị được Bộ GD-ĐT cho phép tổ chức trong thời hạn 2 năm (tính đến ngày 20.08.2023) đạt bậc B2 trở lên (6.0 trở lên) và có điểm 02 (hai) môn còn lại (không phải môn ngoại ngữ) trong tổ hợp môn xét tuyển của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế (theo phương thức xét tuyển dựa vào điểm học bạ hoặc dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023) đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng của các ngành đào tạo giáo viên do Bộ GD-ĐT quy định trong Quy chế tuyển sinh đại học 2023 đối với các ngành Sư phạm; và đạt tổng điểm (2 môn còn lại) từ 12,00 điểm trở lên đối với các ngành còn lại.

3.6. Ưu tiên xét tuyển thí sinh đạt kết quả học tập ở cấp THPT năm học lớp 12 đạt loại giỏi trở lên vào tất cả các ngành.

3.7. Ưu tiên xét tuyển thí sinh đoạt giải nhất, giải nhì hoặc giải ba trong các cuộc thi học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương các năm 2021, 2022, 2023.

3.7.1. Ưu tiên xét tuyển thí sinh đoạt giải môn tiếng Anh vào tất cả các ngành.

3.7.2. Ưu tiên xét tuyển thí sinh đoạt giải môn tiếng Trung vào các ngành Sư phạm Tiếng Trung và Ngôn ngữ Trung Quốc.

3.7.3. Ưu tiên xét tuyển thí sinh đoạt giải môn tiếng Pháp vào các ngành Sư phạm Tiếng Pháp và Ngôn ngữ Pháp.

3.7.4. Ưu tiên xét tuyển thí sinh đoạt giải môn tiếng Nhật vào ngành Ngôn ngữ Nhật.

3.7.5. Ưu tiên xét tuyển thí sinh đoạt giải môn tiếng Hàn Quốc vào ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc.

3.7.6. Ưu tiên xét tuyển thí sinh đoạt giải môn tiếng Nga vào ngành Ngôn ngữ Nga.

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế dành tối đa 20% chỉ tiêu của mỗi ngành để ưu tiên xét tuyển theo các mục từ 3.3, đến 3.7. Trong trường hợp nhiều thí sinh cùng thỏa điều kiện và vượt chỉ tiêu tuyển thẳng đã công bố thì sử dụng tiêu chí để xét tuyển theo thứ tự như sau: (1) Ưu tiên xét tuyển theo mục 3.3, (2) Ưu tiên xét tuyển theo mục 3.4, (3) Ưu tiên xét tuyển theo mục 3.5, (4) Ưu tiên xét tuyển theo mục 3.7, (5) Ưu tiên xét tuyển theo mục 3.6.

4. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và

STT	Tên trường, Ngành học	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu dự tuyển dự kiến (1950)		
						Theo xét kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023	Xét điểm học bạ	Theo các phương thức khác
	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ	DHF				549 - 1042	549 - 1042	359
1	Sư phạm Tiếng Anh		7140231	1. Toán, Văn, Tiếng Anh (Môn ưu tiên: Tiếng Anh)	D01	100-140*	100-140*	60
				2. Văn, Sử, Tiếng Anh (Môn ưu tiên: Tiếng Anh)	D14			
				3. Văn, Địa, Tiếng Anh (Môn ưu tiên: Tiếng Anh)	D15			
2	Sư phạm Tiếng Pháp		7140233	1.Toán, Văn, Tiếng Pháp (Môn ưu tiên: Tiếng Pháp)	D03	4-8*	4-8*	3
				2.Toán, Văn, Tiếng Anh (Môn ưu tiên: Tiếng Anh)	D01			
				3. Văn, Địa, Tiếng Pháp (Môn ưu tiên: Tiếng Pháp)	D44			
				4. Văn, Địa, Tiếng Anh (Môn ưu tiên: Tiếng Anh)	D15			

3	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	7140234	1. Toán, Văn, Tiếng Trung Quốc (Môn ưu tiên: Tiếng Trung Quốc)	D04	4-8	4-8	3
			2. Toán, Văn, Tiếng Anh (Môn ưu tiên: Tiếng Anh)	D01			
			3. Văn, Địa, Tiếng Trung Quốc (Môn ưu tiên: Tiếng Trung Quốc)	D45			
			4. Văn, Địa, Tiếng Anh (Môn ưu tiên: Tiếng Anh)	D15			
4	Việt Nam học	7310630	1. Toán, Văn, Tiếng Anh (Môn ưu tiên: Tiếng Anh)	D01	25-45	25-45	10
			2. Văn, Sử, Tiếng Anh (Môn ưu tiên: Tiếng Anh)	D14			
			3. Văn, Địa, Tiếng Anh (Môn ưu tiên: Tiếng Anh)	D15			
5	Ngôn ngữ Anh	7220201	1. Toán, Văn, Tiếng Anh (Môn ưu tiên: Tiếng Anh)	D01	160-370	160-370	130
5.1	Chuyên ngành tiếng Anh Phiên dịch						
5.2	Chuyên ngành tiếng Anh Biên dịch						
5.3	Chuyên ngành tiếng Anh Ngữ văn						
5.4	Chuyên ngành tiếng Anh Du lịch						
5.5	Chuyên ngành tiếng Anh Sư phạm tiểu học						
6	Ngôn ngữ Nga	7220202	1. Toán, Văn, Tiếng Nga (Môn ưu tiên: Tiếng Nga)	D02	16-26	15-25	8
			2. Toán, Văn, Tiếng Anh (Môn ưu tiên: Tiếng Anh)	D01			
			3. Văn, Địa, Tiếng Nga (Môn ưu tiên: Tiếng Nga)	D42			
			4. Văn, Địa, Tiếng Anh (Môn ưu tiên: Tiếng Anh)	D15			

7	Ngôn ngữ Pháp	7220203	1.Toán, Văn, Tiếng Pháp (Môn ưu tiên: Tiếng Pháp)	D03	35-55	35-55	10
			2.Toán, Văn, Tiếng Anh (Môn ưu tiên: Tiếng Anh)	D01			
7.1	Chuyên ngành tiếng Pháp Du lịch	7220203	3. Văn, Địa, Tiếng Pháp (Môn ưu tiên: Tiếng Pháp)	D44	35-55	35-55	10
			4. Văn, Địa, Tiếng Anh (Môn ưu tiên: Tiếng Anh)	D15			
8	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	1. Toán, Văn, Tiếng Trung Quốc (Môn ưu tiên: Tiếng Trung Quốc)	D04	80-150	80-150	50
8.1	Chuyên ngành tiếng Trung Phiên dịch		2. Toán, Văn, Tiếng Anh (Môn ưu tiên: Tiếng Anh)	D01			
8.2	Chuyên ngành tiếng Trung Biên dịch		3. Văn, Địa, Tiếng Trung Quốc (Môn ưu tiên: Tiếng Trung Quốc)	D45			
8.3	Chuyên ngành tiếng Trung Thương mại		4. Văn, Địa, Tiếng Anh (Môn ưu tiên: Tiếng Anh)	D15			
9	Ngôn ngữ Nhật	7220209	1.Toán, Văn, Tiếng Nhật (Môn ưu tiên: Tiếng Nhật)	D06	60-120	60-120	40
			2.Toán, Văn, Tiếng Anh (Môn ưu tiên: Tiếng Anh)	D01			
			3. Văn, Địa, Tiếng Nhật (Môn ưu tiên: Tiếng Nhật)	D43			
			4. Văn, Địa, Tiếng Anh (Môn ưu tiên: Tiếng Anh)	D15			
10	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	1. Toán, Văn, Tiếng Anh (Môn ưu tiên: Tiếng Anh)	D01	40-80	40-80	30
			2. Văn, Sử, Tiếng Anh (Môn ưu tiên: Tiếng Anh)	D14			
			3. Văn, Địa, Tiếng Anh (Môn ưu tiên: Tiếng Anh)	D15			
11	Quốc tế học	7310601	1. Toán, Văn, Tiếng Anh (Môn ưu tiên: Tiếng Anh)	D01	25-40	25-40	15
			2. Văn, Sử, Tiếng Anh (Môn ưu tiên: Tiếng Anh)	D14			
			3. Văn, Địa, Tiếng Anh (Môn ưu tiên: Tiếng Anh)	D15			

Ghi chú: 4-8*: Chỉ tiêu tối thiểu và tối đa của một phương thức xét tuyển cho một ngành. Tổng chỉ tiêu của một ngành bằng tổng của chỉ tiêu tối thiểu và tối đa của 1 trong 2 phương thức đầu cộng với chỉ tiêu của các phương thức khác. Ví dụ: Chỉ tiêu của ngành Sư phạm Tiếng Pháp = 4 + 8 + 3 = 15.

Lưu ý:

- Môn ngoại ngữ không nhân hệ số 2;

- Mã ngành theo quy định của phụ lục kèm theo thông tư 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (các đơn vị có thể tải phụ lục này từ website của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

5. NGŨƠNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐẦU VÀO, ĐIỀU KIỆN ĐKXT:

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng của các ngành sư phạm theo tất cả các phương thức xét tuyển do Bộ GD-ĐT quy định trong Quy chế tuyển sinh đại học 2023;

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng của các ngành còn lại:

+ Xét theo điểm học bạ: tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển (cách tính từng môn ở mục 3.1) từ 18,00 điểm trở lên;

+ Xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023: lấy tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển và do trường Đại học Ngoại ngữ đề xuất, Đại học Huế phê duyệt sau khi có dữ liệu kết quả thi tốt nghiệp THPT 2022 do Bộ GD-ĐT cung cấp;

+ Xét theo phương thức ưu tiên xét tuyển của Trường: xem các mục từ 3.4 đến 3.7.

- Điều kiện bổ sung để nhận hồ sơ xét tuyển đối với 03 ngành Sư phạm Tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh và Quốc tế học:

+ Xét theo điểm học bạ: đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng theo quy định và điểm môn Tiếng Anh (cách tính ở mục 3.1, không nhân hệ số) phải đạt từ 7,50 điểm trở lên đối với ngành Sư phạm Tiếng Anh; 6,50 điểm trở lên đối với ngành Ngôn ngữ Anh và 6,0 điểm trở lên đối với ngành Quốc tế học.

+ Xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023: đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng theo quy định và điểm thi môn Tiếng Anh (không nhân hệ số) phải đạt từ 5,00 điểm trở lên.

6. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC ĐỂ THÍ SINH ĐKXT VÀO CÁC NGÀNH CỦA TRƯỜNG: quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

- Không quy định chênh lệch điểm giữa các tổ hợp trong xét tuyển;

- Môn ưu tiên dùng để làm tiêu chí phụ xét tuyển: khi có nhiều thí sinh có tổng điểm ba môn của tổ hợp bằng nhau sẽ ưu tiên xét trúng tuyển theo điểm môn ưu tiên cho đến hết chỉ tiêu;

- SV ngành Ngôn ngữ Nga được giảm 50% học phí.

7. TỔ CHỨC TUYỂN SINH: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển.

Theo kế hoạch và thông báo chung của Hội đồng tuyển sinh Đại học chính quy Đại học Huế

8. CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN: *Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...*

Xem từ mục 3.3, đến mục 3.7.

9. LỆ PHÍ XÉT TUYỂN/THI TUYỂN

Theo quy định của Hội đồng tuyển sinh Đại học chính quy Đại học Huế và Bộ Giáo dục & Đào tạo

10. HỌC PHÍ DỰ KIẾN VỚI SINH VIÊN CHÍNH QUY: lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

*Học phí năm học 2022-2023 (căn cứ quy định tại khoản 2a và 2b- Điều 11-Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021):

- Mức học phí khối ngành I, theo hình thức niên chế là 12.500.000đ/năm học, tương đương 357.000đ/1 tín chỉ;

- Mức học phí cho khối ngành VII, theo hình thức niên chế từ 12.000.000đ/năm học đến 13.200.000đ/năm học, tương đương 343.000đ/tín chỉ- 377.300đ/ tín chỉ tùy thuộc vào ngành học.

* Học phí năm học 2023-2024 (dự kiến thu):

-Mức học phí khối ngành I, theo hình thức niên chế là 14.100.000đ/năm học/1 SV.

-Mức học phí cho khối ngành VII, theo hình thức niên chế từ 15.000.000đ/năm học/1 SV đến 30.000.000đ/năm học/1SV tùy thuộc vào từng ngành đào tạo.

Trong các năm học tiếp theo, mức học phí chính quy tăng dần theo lộ trình tăng học phí được quy định tại Điều 11, Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đảm bảo tỷ lệ tăng học phí của năm học tiếp theo không vượt quá 20% so với năm học trước.

11. THỜI GIAN DỰ KIẾN TUYỂN SINH CÁC ĐỢT TRONG NĂM:

Theo kế hoạch và thông báo chung của Hội đồng tuyển sinh Đại học chính quy Đại học Huế

THÔNG TIN LIÊN HỆ:

* Nhóm zalo HUFLIS-TU VẤN TUYỂN SINH 2023: <https://zalo.me/g/bkdllld293>

Ghi chú: Các thí sinh có nguyện vọng có thể tham gia nhóm zalo để được cập nhật thông tin kịp thời và nhận được sự tư vấn nhiệt tình từ Ban tư vấn.

* **Điện thoại:**

- Thạc sĩ Phan Thanh Tiên (Phó trưởng phòng Đào tạo): [0914.172246](tel:0914.172246);

- Thạc sĩ Bùi Hữu Hùng (Phó Giám đốc Trung tâm Tư vấn & Hỗ trợ sinh viên): [0843.647686](tel:0843.647686) - [0931.909678](tel:0931.909678);

* **Website Cổng thông tin tuyển sinh:** <http://tuyensinh.huflis.edu.vn>

* **Fanpage:**

- <https://www.facebook.com/Dai.Hoc.Ngoai.Ngu.Hue.tuvan.hotro.sinhvien>

- <https://www.facebook.com/daihochinhquy.hucfl>